

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2018

*“V/v Tranh chấp
về hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

Thư ký phiên tòa : Bà Hà Thị Thúy Nga.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên
tòa:* Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Ph, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN – Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Võ Trúc Th, sinh năm 1961; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh Thị Ph trình bày:

Vào tháng 03 năm 1990 bà Ph và ông Th đến với nhau, khi đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QT, huyện ĐRL, tỉnh ĐL vào ngày 29/03/1999 (*Nay là xã Q T, huyện TĐ, tỉnh ĐN*).

Trong khoảng thời gian chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do không hợp nhau, nên ông Th bỏ nhà đi từ năm 2000 cho đến nay không rõ tin tức. Bà Ph đã tìm kiếm ông Th nhiều nơi mà không có tin tức gì, không biết ông Th còn sống hay đã chết.

Bà Ph đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Th mất tích theo quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 09/3/2018 về việc *“Tuyên bố một người mất tích”*.

Do tình cảm vợ chồng không còn và đã được Tòa án tuyên bố một người mất tích nên tôi mới làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Th.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với ông Th, chúng tôi có 02 con chung gồm: cháu Võ Trịnh Phương T, sinh năm 1993; cháu Võ Trịnh Ngọc Q, sinh năm 1998. Nay các con chung đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Trúc Th không có mặt tại địa phương, trước khi khởi kiện vụ án này thì bà Ph đã yêu cầu tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 09/3/2018 về việc “*Tuyên bố một người mất tích*”.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Võ Trúc Th. Còn về con chung, tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và bị đơn đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 09/3/2018 về việc “*Tuyên bố một người mất tích*” nên giải quyết cho ly hôn là có căn cứ. Về con chung đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung thì bà Phụng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết các vấn đề trên là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện Tòa án đã triệu tập các đương sự trong vụ án, giao nhận các thủ tục tố tụng, công khai chứng cứ theo quy định. Bị đơn là ông Võ Trúc Thọ đã bỏ nhà đi từ năm 2000 và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số: 01/2018/QĐDS-ST ngày 09/3/2018. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải thành được nên Tòa án ban hành quyết định đưa ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt nguyên đơn (*Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*) và bị đơn. Bị đơn ông Võ Trúc Th trước khi bị yêu cầu tuyên bố mất tích có địa chỉ tại thôn 1, xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐNông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị Ph trình bày bà và ông Th đến chung sống với nhau vào tháng 03 năm 1990 và cũng đã nộp trích lục kết hôn (*bản sao*) cho Tòa án vào năm 2017. Do

mâu thuẫn gia đình và vợ chồng đã sống ly thân, ông Th đã bị tuyên bố mất tích nên bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông Th đến chung sống với nhau vào tháng 03 năm 1990 và đăng ký kết hôn số 48/1990, quyền số 01 ngày 29 tháng 3 năm 1990 tại UBND xã QT, huyện ĐRL, tỉnh ĐL (*nay là xã QT, huyện TĐ, tỉnh ĐN*), có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông Th là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà Trịnh Thị Ph nộp đơn xin ly hôn với ông Th cho rằng giữa bà và ông Th đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Ông Th đã bỏ nhà đi từ năm 2000 và bà Ph đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2018/QDDS-ST ngày 09/3/2018. Điều này cho thấy: *“Tình trạng hôn nhân giữa bà Ph và ông Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Ph là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph và ông Th.

[5] Trong thời gian bà Ph và ông Th chung sống với nhau có 02 con chung là cháu Võ Trịnh Phương Th, sinh năm 1993 và cháu Võ Trịnh Ngọc Q, sinh năm 1998. Nay các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trịnh Thị Ph phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Ph. Bà Trịnh Thị Ph được ly hôn với ông Võ Trúc Th.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền bà Ph đã nộp theo biên lai số 0000655 ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại

Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú đối với nguyên đơn và tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú cuối cùng đối với bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Tân,
huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Chương